

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giảm hơn 10 điểm trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,306.86 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 15/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Hóa chất dẫn đầu đà giảm, theo sau là ngành Công nghệ thông tin. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng hơn 1 nghìn tỷ đồng trên sàn HSX. Trong những phiên tới, VN-Index có thể tìm điểm cân bằng trong vùng 1,300 – 1,315 sau nhịp điều chỉnh.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 31/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-10.60** điểm, đóng cửa tại **1306.86** điểm. HNX-Index **-3.14** điểm, đóng cửa tại **235.06** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MBB (+0.30)**, **MSB (+0.23)**, **VNM (+0.15)**, **KBC (+0.14)**, **CTG (+0.13)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-2.15)**, **VCB (-1.58)**, **FPT (-1.04)**, **BCM (-0.67)**, **HPG (-0.60)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,509** tỷ đồng, tăng **22.28%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21,169 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.99 điểm. Thị trường có **135** mã tăng, **63** mã tham chiếu, **322** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1280.89** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (-165.41 tỷ)**, **HPG (-136.22 tỷ)**, **SSI (-106.04 tỷ)**, **FPT (-105.24 tỷ)**, **MSN (-99.49 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-59.02** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.53%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - MSB (+2.95%)** ([Link báo cáo](#))
 - KBC (+2.51%)**
 - MBB (+0.84%)** ([Link báo cáo](#))
- BSC50 **-0.73%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - HDC (+3.18%)**
 - VCG (+2.59%)**
 - PNJ (+1.59%)** ([Link báo cáo](#))

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.53%	-0.73%	-0.80%	-0.73%
1 tuần	-1.87%	-0.85%	-1.76%	-1.93%
1 tháng	-2.86%	-2.79%	0.11%	0.55%
3 tháng	-2.19%	2.62%	3.16%	1.42%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,306.86	235.06	98.05
% 1D	-0.80%	-1.32%	-0.58%
GTGD (tỷ VND)	17,509	881	652
%1D	22.28%	-4.22%	37.93%
GDNN (tỷ VND)	-1280.89	-59.02	-22.36

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIX	76.73	VNM	-165.41
KBC	49.19	HPG	-136.22
VCI	40.81	SSI	-106.04
VHM	26.83	FPT	-105.24
HDC	24.13	MSN	-99.49

Thị trường thế giới

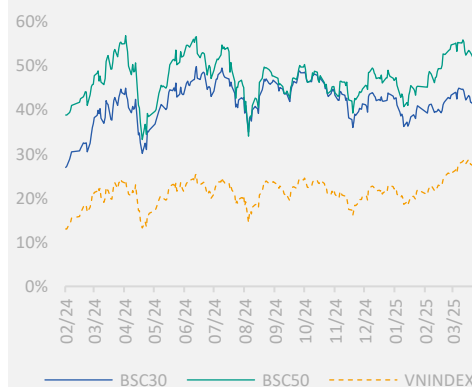
		%D	%W
SPX	5,581	-1.97%	-1.53%
FTSE100	8,578	-0.94%	-0.70%
Eurostoxx	5,264	-1.27%	-2.95%
Shanghai	3,336	-0.46%	-1.02%
Nikkei	35,618	-4.05%	-5.28%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	73.19	0.59%
Giá vàng	3,121	-0.18%
Tỷ giá		
USD/VND	25,720	-0.16%
EUR/VND	28,460	0.35%
JPY/VND	176	1.73%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	-0.06%
LS LNH 1M	4.6%	

Nguồn: BSC tổng hợp

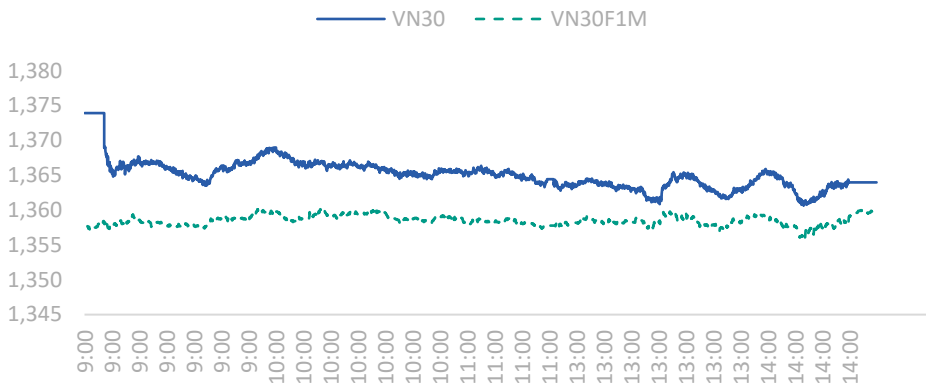
Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1361.00	-0.42%	50	-24.2%	9/18/2025	171
VN30F2504	1360.00	-0.37%	133,558	-21.4%	4/17/2025	17
VN30F2505	1360.50	-0.38%	589	157.2%	5/15/2025	45
VN30F2506	1359.20	-0.63%	90	50.0%	6/19/2025	80

Nguồn: FiinproX, BSC Research
Nhận định

- VN30 -10.05 điểm, đóng cửa tại 1363.88 điểm. Biên độ dao động 13.27 điểm. Các cổ phiếu như FPT, HPG, MSN, VPB, MWG tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm hơn 10 điểm và phát đi tín hiệu rủi ro ngắn hạn gia tăng. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20, basic thu hẹp. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong bối cảnh thị trường đang chờ đợi thông tin thuế quan của Mỹ.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2509, VN30F2504. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CMBB2507	2/5/2026	311	53,200	-69.13%	2.40	2,520	48.2%	10.90	7.44	24.10	24.10
CVNM2405	4/28/2025	28	557,000	-88.28%	6.75	90	28.6%	13.57	7.10	60.60	60.60
CVJC2501	6/30/2025	91	15,100	-85.48%	10.61	530	23.3%	14.09	13.79	95.00	95.00
CSTB2410	11/4/2025	218	291,400	-80.76%	3.80	1,190	7.2%	11.54	7.37	38.30	38.30
CVNM2504	10/9/2025	192	3,000	-76.60%	6.50	1,280	4.1%	9.04	14.18	60.60	60.60
CVNM2406	7/28/2025	119	477,600	-86.48%	6.85	340	3.0%	13.57	8.20	60.60	60.60
CMBB2406	4/28/2025	28	260,300	-77.51%	2.50	730	2.8%	5.40	5.42	24.10	24.10
CSTB2402	5/21/2025	51	734,300	-68.67%	3.00	3,000	2.7%	11.77	12.00	38.30	38.30
CVNM2501	5/26/2025	56	116,300	-86.16%	6.45	390	2.6%	10.92	8.38	60.60	60.60
CVIC2404	4/28/2025	28	29,900	-66.10%	4.30	3,840	2.4%	13.43	19.66	58.00	58.00
CVIC2407	6/30/2025	91	302,000	-72.41%	4.90	2,220	2.3%	10.63	16.00	58.00	58.00
CMBB2402	5/21/2025	51	86,400	-71.01%	2.35	2,370	2.2%	11.12	6.99	24.10	24.10
CVNM2407	11/4/2025	218	365,300	-83.46%	6.75	550	1.9%	9.08	10.02	60.60	60.60
CVIC2405	7/28/2025	119	54,700	-64.17%	4.30	4,120	1.5%	13.44	20.78	58.00	58.00
CMBB2502	5/26/2025	56	36,400	-76.35%	2.09	2,080	1.5%	12.68	5.70	24.10	24.10
CVIC2501	5/26/2025	56	533,700	-61.29%	4.00	3,690	1.4%	10.81	22.45	58.00	58.00
CMBB2405	7/28/2025	119	9,790,100	-76.10%	2.60	790	1.3%	5.38	5.76	24.10	24.10
CVIC2502	10/27/2025	210	70,000	-63.71%	4.50	3,310	1.2%	10.72	21.05	58.00	58.00
CTCB2403	11/4/2025	218	904,800	-75.45%	2.60	830	1.2%	4.99	6.75	27.50	27.50
CVHM2408	11/4/2025	218	315,500	-63.12%	3.80	3,780	1.1%	11.90	18.92	51.30	51.30

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 31/03/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CMBB2507 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 48.24%. CMBB2405 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 20.27%.
- CVHM2503, CVIC2501, CTCB2504, CVHM2408, CVIC2502 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVHM2504, CVIC2503, CVIB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MBB	24.10	0.84%	0.64
VNM	60.60	0.50%	0.24
ACB	26.00	0.19%	0.19
TPB	14.30	0.70%	0.13
VHM	51.30	0.20%	0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	121.00	-2.42%	-2.62
HPG	26.75	-1.47%	-1.31
MSN	66.80	-2.48%	-1.24
VPB	19.00	-1.30%	-1.02
MWG	59.00	-1.34%	-0.88

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBB	24.10	0.84%	0.30	6.10
MSB	12.20	2.95%	0.23	2.60
VNM	60.60	0.50%	0.15	2.09
KBC	30.65	2.51%	0.14	0.77
CTG	41.45	0.24%	0.13	5.37

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

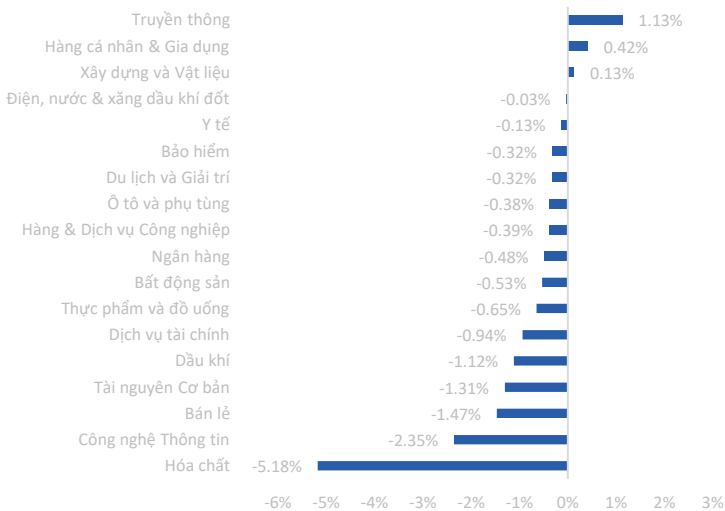
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
IDC	54.00	0.93%	0.11	0.33
KSV	187.80	0.32%	0.08	0.20
PMC	127.00	9.11%	0.07	0.01
VIF	18.30	1.67%	0.07	0.35
BAB	11.90	0.85%	0.06	0.96

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTT	16.05	7.00%	0.00	0.00
TSC	3.06	6.99%	0.01	2.42
VCF	272.90	6.98%	0.12	0.00
CIG	8.99	6.90%	0.01	1.04
TNT	5.28	6.88%	0.00	2.71

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
QST	30.00	9.89%	0.03	0.00
TPH	13.40	9.84%	0.01	0.00
PMC	127.00	9.11%	0.38	0.01
HDA	5.00	8.70%	0.04	0.22
VE1	3.90	8.33%	0.01	0.12

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	32.40	-6.90%	-2.15	4.00
VCB	64.00	-1.23%	-1.58	8.36
FPT	121.00	-2.42%	-1.04	1.47
BCM	74.80	-3.61%	-0.67	1.04
HPG	26.75	-1.47%	-0.60	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

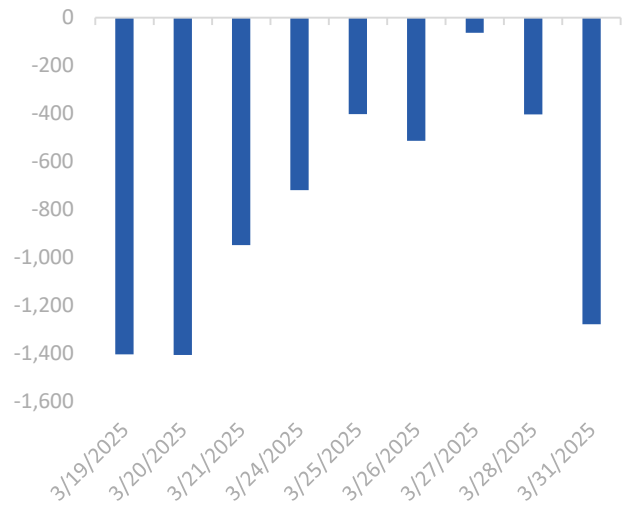
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
THD	30.00	-6.25%	-0.46	0.38
PVS	30.80	-3.45%	-0.32	0.48
KSF	66.60	-2.06%	-0.26	0.30
HUT	14.80	-2.63%	-0.22	0.89
NTP	66.00	-2.65%	-0.16	0.14

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DPR	48.65	-6.98%	-0.07	2.14
PHR	63.30	-6.91%	-0.14	1.79
GVR	32.40	-6.90%	-2.15	9.07
UIC	44.40	-6.72%	-0.01	0.02
BBC	51.80	-6.50%	-0.02	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KMT	9.10	-9.90%	-0.03	0.00
VMS	25.20	-9.68%	-0.08	0.00
THB	10.70	-9.32%	-0.04	0.00
PV2	3.00	-9.09%	-0.04	1.05
SGD	10.20	-8.93%	-0.01	0.00

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	59.0	-1.3%	1.8	87,397	524.3	2,544	23.5		45.8%	
KBC	Bất động sản	30.7	2.5%	1.6	22,951	514.2	555	53.9		19.0%	
KDH	Bất động sản	32.6	0.2%	1.1	32,913	141.6	863	37.7		35.8%	
PDR	Bất động sản	19.4	0.3%	2.1	16,852	108.9	643	30.0	23,600	8.2%	Link
VHM	Bất động sản	51.3	0.2%	1.1	210,299	1394.1	7,349	7.0	58,200	12.4%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	121.0	-2.4%	1.0	182,413	674.9	5,371	23.1	163,000	42.4%	Link
BSR	Dầu khí	19.0	-1.3%	0.0	59,530	36.9	204	94.3		0.3%	
PVS	Dầu khí	30.8	-3.5%	1.1	15,247	119.8	2,238	14.3	40,300	17.4%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	30.6	-1.0%	1.8	22,247	228.8	1,571	19.7		43.2%	
SSI	Dịch vụ tài chính	26.0	-1.3%	1.6	51,695	509.3	1,536	17.2		37.9%	
VCI	Dịch vụ tài chính	38.3	0.5%	1.7	27,360	279.0	1,537	24.8		29.3%	
DCM	Hóa chất	33.1	-1.8%	1.2	17,814	94.6	2,682	12.6	41,100	5.1%	Link
DGC	Hóa chất	99.6	-3.2%	1.6	39,079	406.5	7,864	13.1	111,400	15.5%	Link
ACB	Ngân hàng	26.0	0.2%	0.8	115,910	273.7	3,759	6.9		30.0%	
BID	Ngân hàng	38.8	-0.9%	1.0	274,535	112.2	3,570	11.0	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	41.5	0.2%	1.1	222,049	191.2	4,720	8.8		26.8%	
HDB	Ngân hàng	22.1	-0.7%	1.0	77,765	185.3	3,667	6.1		17.2%	
MBB	Ngân hàng	24.1	0.8%	1.0	145,844	463.8	3,729	6.4	26,300	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	12.2	3.0%	1.2	30,810	318.7	2,123	5.6	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	38.3	0.1%	1.1	72,110	389.7	5,351	7.2		21.9%	
TCB	Ngân hàng	27.5	-0.2%	1.3	194,637	559.9	3,054	9.0	31,400	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	14.3	0.7%	1.2	37,516	177.1	2,299	6.2	-	26.4%	Link
VCB	Ngân hàng	64.0	-1.2%	0.5	541,448	118.3	4,049	16.0		22.7%	
VIB	Ngân hàng	19.9	0.3%	1.1	58,987	150.1	2,424	8.2		5.0%	
VPB	Ngân hàng	19.0	-1.3%	1.0	152,728	289.8	1,989	9.7	25,500	24.8%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.8	-1.5%	1.2	173,658	738.3	1,879	14.5	37,500	21.2%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	17.2	-1.2%	1.7	10,805	73.8	935	18.6	22,700	7.4%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.8	-0.2%	1.8	9,973	275.3	2,712	11.0	31,000	3.5%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	66.8	-2.5%	1.3	98,527	475.9	1,345	50.9		25.3%	
VNM	Thực phẩm và đồ uống	60.6	0.5%	0.5	126,024	358.2	4,494	13.4		50.1%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VND)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	37.6	-1.05%	2.1	8,328	34.1	2,042	18.6	18.8%	15.9%	Link
FRT	Bán lẻ	165.0	-2.37%	1.0	23,025	156.2	2,331	72.5	32.7%	18.1%	
BVH	Bảo hiểm	53.3	-0.37%	1.0	39,714	32.4	2,809	19.1	26.6%	9.5%	
DIG	Bất động sản	19.9	0.25%	1.7	12,075	190.6	188	105.4	2.5%	1.5%	
DXG	Bất động sản	15.8	-1.86%	1.8	14,021	188.5	348	46.3	20.2%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	27.6	3.18%	1.5	4,771	502.0	377	70.9	3.0%	3.1%	
HDG	Bất động sản	26.4	0.00%	1.4	8,862	57.7	1,714	15.4	19.4%	9.4%	
IDC	Bất động sản	54.0	0.93%	1.2	17,655	51.0	6,050	8.8	20.6%	37.7%	
NLG	Bất động sản	34.3	0.88%	1.5	13,073	167.9	1,346	25.2	37.6%	5.4%	
SIP	Bất động sản	86.2	-5.79%	0.0	19,264	139.4	5,555	16.5	5.9%	29.5%	
SZC	Bất động sản	41.5	-0.84%	1.5	7,532	64.4	1,809	23.1	2.4%	12.5%	Link
TCH	Bất động sản	18.0	-3.74%	1.9	12,496	234.5	1,466	12.8	8.9%	10.8%	Link
VIC	Bất động sản	58.0	0.00%	1.1	221,772	1459.2	3,026	19.2	9.2%	9.5%	
VRE	Bất động sản	19.2	-1.79%	1.0	44,310	224.4	1,802	10.8	18.9%	10.3%	
CMG	Công nghệ Thông tin	38.0	-3.31%	1.0	8,304	30.5	1,478	26.6	36.0%	11.4%	
PLX	Dầu khí	39.6	-0.63%	0.9	50,570	40.1	2,275	17.5	17.4%	11.1%	Link
PVD	Dầu khí	22.0	-2.22%	1.2	12,507	114.3	1,255	17.9	8.5%	4.6%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	50.6	1.20%	2.0	15,296	193.6	1,869	26.8	29.7%	14.6%	
MBS	Dịch vụ tài chính	29.9	-0.33%	1.8	17,183	81.5	1,583	19.0	6.8%	12.5%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	66.8	0.00%	0.6	156,491	54.6	4,439	15.1	1.7%	16.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	12.8	0.00%	0.9	29,976	130.4	535	23.9	3.6%	4.0%	
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	71.4	0.71%	1.0	33,395	49.6	4,237	16.7	49.0%	11.0%	
VJC	Du lịch và Giải trí	95.0	-1.04%	0.3	51,995	118.0	2,632	36.5	12.8%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23.5	0.64%	2.0	20,068	291.2	1,910	12.2	7.7%	12.4%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	57.5	-0.86%	0.8	24,371	140.4	4,627	12.5	41.3%	13.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	52.8	0.00%	1.5	6,858	130.5	4,416	12.0	11.2%	21.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.8	-1.59%	1.2	8,954	39.6	3,071	8.2	11.8%	15.1%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	138.8	0.00%	0.0	16,903	73.8	3,144	44.2	6.7%	24.1%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	83.3	1.59%	0.8	27,708	88.9	6,305	13.0	48.4%	20.1%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	36.7	-4.06%	0.6	3,891	55.4	2,710	14.1	49.7%	13.0%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	21.9	0.00%	1.1	2,685	20.6	2,568	8.5	16.9%	17.4%	
DPM	Hóa chất	34.8	-1.70%	1.3	13,834	99.8	1,518	23.3	8.7%	4.9%	Link
GVR	Hóa chất	32.4	-6.90%	1.9	139,200	300.6	1,053	33.0	0.8%	8.2%	
EIB	Ngân hàng	19.5	0.00%	1.2	36,323	253.0	1,786	10.9	3.8%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	33.3	-0.60%	0.6	99,925	79.6	3,254	10.3	0.8%	25.1%	
NAB	Ngân hàng	16.7	-0.89%	0.0	23,059	134.0	2,702	6.2	1.8%	20.9%	
OCB	Ngân hàng	11.2	0.45%	1.1	27,370	20.1	1,287	8.6	19.6%	10.5%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	15.0	-0.33%	1.8	6,736	96.3	1,385	10.9	5.7%	8.0%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.5	0.30%	1.7	4,367	15.7	182	90.2	0.4%	1.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.8	-3.05%	0.6	7,840	186.4	1,579	20.8	3.7%	13.4%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.9	-0.81%	1.2	63,230	56.4	3,376	14.6	59.6%	18.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	62.5	0.81%	1.4	13,916	24.9	5,496	11.3	24.7%	14.5%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	119.3	-3.32%	1.3	10,102	19.8	12,103	10.2	82.3%	36.8%	
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.0	0.47%	1.8	8,454	123.2	3,734	22.7	49.0%	4.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	103.0	0.88%	1.0	11,679	93.5	4,705	21.7	7.6%	27.9%	
DPG	Xây dựng và Vật liệu	51.4	-2.28%	1.8	3,314	71.8	3,545	14.8	7.1%	11.8%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.83%	1.7	5,230	77.5	937	12.9	6.6%	4.8%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.6	-1.74%	1.5	8,226	42.2	1,287	17.9	15.5%	8.6%	
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.8	2.59%	1.7	12,690	328.7	1,579	13.4	6.1%	12.0%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	49.0	1.03%	1.6	21,745	35.5	2,464	19.7	5.8%	13.7%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_ Thương chiến 2.0	x		Click
3	Triển vọng VMTT 2025_ Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
4	BSC_ Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
5	BSC_ Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
17	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
22	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chínhTầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669**Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh**Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879**Trung tâm Phân tích nghiên cứu**hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108**Đối với Khách hàng tổ chức**hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659**Đối với Khách hàng cá nhân**i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660Website: <http://www.bsc.com.vn>